

DỰ THẢO:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN.....:202x/BVHTTDL

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ THỂ DỤC DỤNG CỤ

National technical regulation on safety of gymnastics equipment

HÀ NỘI - 2023

Lời nói đầu

QCVN xx:202x/BVHTTDL do Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (Cục Thể dục thể thao) biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành theo Thông tư sốxxx/202x/TT-BVHTTDL ngày x tháng x năm 202x.

Mục lục

| | Trang |
|--|-------|
| Lời nói đầu..... | 3 |
| 1. QUY ĐỊNH CHUNG | 5 |
| 1.1 Phạm vi điều chỉnh..... | 5 |
| 1.2 Đối tượng áp dụng..... | 5 |
| 1.3 Giải thích từ ngữ | 5 |
| 1.4 Tài liệu viện dẫn | 6 |
| 2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT | 7 |
| 3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ | 8 |
| 4. CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP QUY, TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM | 9 |
| 5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY..... | 10 |
| 6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN | 11 |

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ THỂ DỤC DỤNG CỤ
National technical regulation on safety of gymnastics equipment

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật và các yêu cầu về quản lý an toàn đối với thiết bị thể dục dụng cụ được sử dụng tại các cơ sở tập luyện và thi đấu (nằm trong danh mục các sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 8/6/2022 có mã HS 9506.91.00).

1.2 Đối tượng áp dụng

1.2.1 Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối, bán lẻ thiết bị thể dục dụng cụ, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.2.2 Các tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy thực hiện việc đánh giá, chứng nhận thiết bị thể dục dụng cụ.

1.3 Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa dưới đây:

1.3.1 Nguy hiểm (hazard)

Nguồn gây hại tiềm tàng.

[NGUỒN: EN ISO 12100: 2010, 3.6]

1.3.2 Rủi ro (risk)

Sự kết hợp giữa khả năng xảy ra thiệt hại và mức độ nghiêm trọng của thiệt hại đó.

[NGUỒN: EN ISO 12100: 2010, 3.12]

1.3.3 Khối lượng cơ thể (body mass)

Khối lượng của người sử dụng thiết bị.

1.3.4 Tải trọng tĩnh (static load)

Tải trọng tác động lên thiết bị do cấu trúc của thiết bị, tải trọng thêm vào và các thành phần ứng suất trước.

1.3.5 Hệ số động (dynamic factor)

Hệ số có tính đến sự ảnh hưởng của khối lượng cơ thể khi chuyển động.

1.3.6 Hệ số an toàn (safety factor)

Hệ số bao gồm tính không ổn định về tải trọng cơ thể và hệ số động, không bao gồm việc cho phép thay đổi vật liệu và quy trình sản xuất.

1.3.7 Tải biến thiên (variable load)

Tải do các hệ số khác với tải trọng tĩnh và tải trọng cơ thể.

1.3.8 Loại thiết bị thể dục dụng cụ: Những thiết bị thể dục dụng cụ có cùng chức năng, cùng kết cấu và thiết kế, được sản xuất từ cùng một hoặc các loại vật liệu.

1.3.9 Lô hàng: Tập hợp những thiết bị thể dục dụng cụ được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một cơ sở sản xuất, cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.

1.4 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng quy chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định trong văn bản mới.

TCVN 11771:2016 (ISO 378:1980) Thiết bị thể dục - Xà kép.

TCVN 11772:2016 (ISO 379:1980) Thiết bị thể dục - Xà đơn.

TCVN 12186:2017 (EN 915:2008) Thiết bị thể dục dụng cụ - Xà lệch - Yêu cầu và phương pháp thử.

TCVN 12838:2019 Thiết bị thể dục - Bàn nhảy chống - Yêu cầu chức năng, yêu cầu an toàn và phương pháp thử.

TCVN 12839:2019 Thiết bị thể dục - Cầu thăng bằng - Yêu cầu chức năng, yêu cầu an toàn và phương pháp thử.

TCVN 12840:2019 Thiết bị thể dục - Vòng treo - Yêu cầu chức năng, yêu cầu an toàn và phương pháp thử.

TCVN 13318:2021 (BS EN 913:2018) Thiết bị thể dục dụng cụ - Yêu cầu an toàn chung và phương pháp thử.

TCVN 13319:2021 (BS EN 916:2003) Thiết bị thể dục dụng cụ - Bục nhảy chống - Yêu cầu an toàn chung và phương pháp thử.

TCVN 13320:2021 (BS EN 13219:2008) Thiết bị thể dục dụng cụ - Lưới bật - Yêu cầu về chức năng và an toàn chung, phương pháp thử.

2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1 Các thiết bị thể dục dụng cụ ngoài việc tuân thủ các yêu cầu an toàn chung theo TCVN 13318:2021 (BS EN 913:2018) còn phải tuân thủ theo các yêu cầu an toàn riêng bổ sung theo quy định trong Bảng 1.

Các yêu cầu trong các tiêu chuẩn cụ thể của bộ TCVN: TCVN 11771:2016, TCVN 11772:2016, TCVN 12186:2017, TCVN 12838:2019, TCVN 12839:2019, TCVN 12840:2019, TCVN 13319:2021, TCVN 13320:2021 được ưu tiên hơn các yêu cầu tương ứng của TCVN 13318:2021.

2.2 Mọi phụ kiện kèm theo (nếu có) được cung cấp cùng với thiết bị thể dục dụng cụ để thực hiện các bài tập bổ sung phải tuân theo các yêu cầu của TCVN 13318:2021 (BS EN 913:2018).

2.3 Các thiết bị thể dục dụng cụ phải được kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật theo các phương pháp thử tương ứng và phải thỏa mãn mức yêu cầu quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 - Danh mục thiết bị thể dục dụng cụ

| TT | Tên sản phẩm | Chỉ tiêu kỹ thuật | Mức yêu cầu | Phương pháp thử | Mã HS |
|----|----------------|---|-----------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1 | Xà kép | 1. Độ võng của thanh xà | Theo Khoản 5.3 TCVN 11771:2016 | Theo Khoản 5.3 TCVN 11771:2016 | 9506.91.00 |
| | | 2. Độ ổn định | Theo Khoản 5.5 TCVN 11771:2016 | Theo Khoản 5.5 TCVN 11771:2016 | |
| 2 | Xà đơn | 1. Độ đàn hồi | Theo Khoản 5.3 TCVN 11772:2016 | Theo Khoản 5.3 TCVN 11772:2016 | 9506.91.00 |
| | | 2. Cơ cấu kéo căng | Theo Khoản 5.4 TCVN 11772:2016 | Theo Khoản 5.4 TCVN 11772:2016 | |
| 3 | Xà lệch | 1. Kẹt (entrapment) | Theo Khoản 4.2 TCVN 12186:2017 | Theo phụ lục A, TCVN 13318:2021 | 9506.91.00 |
| | | 2. Độ ổn định | Theo Khoản 4.3 TCVN 12186:2017 | Theo Khoản 5.2 TCVN 12186:2017 | |
| | | 3. Độ cứng theo phương đứng và độ võng dư | Theo Khoản 4.4 TCVN 12186:2017 | Theo Khoản 5.3 TCVN 12186:2017 | |
| | | 4. Độ bền | Theo Khoản 4.5 TCVN 12186:2017 | Theo Khoản 5.4 TCVN 12186:2017 | |
| | | 5. Độ cứng của khung | Theo Khoản 4.6 TCVN 12186:2017 | Theo Khoản 5.2 TCVN 12186:2017 | |
| 4 | Bàn nhảy chống | 1. Độ ổn định | Theo Khoản 4.2 TCVN 12838:2019 | Theo Khoản 5.1 TCVN 12838:2019 | 9506.91.00 |
| | | 2. Độ bền | Theo Khoản 4.3 TCVN 12838:2019 | Theo Khoản 5.2 TCVN 12838:2019 | |

| TT | Tên sản phẩm | Chỉ tiêu kỹ thuật | Mức yêu cầu | Phương pháp thử | Mã HS |
|----|----------------|------------------------------------|-----------------------------------|---|------------|
| 5 | Cầu thang bằng | 1. Độ ổn định | Theo Khoản 4.3 TCVN 12839:2019 | Theo Mục 5.2.1, 5.2.1 TCVN 12839:2019 | 9506.91.00 |
| | | 2. Độ bền | Theo Khoản 4.4 TCVN 12839:2019 | Theo Phụ lục B của EN 913:1996 | |
| 6 | Vòng treo | 1. Độ bền | Theo Khoản 5.2 TCVN 12840:2019 | Theo Mục 6.2.1,6.2.2 TCVN 12840:2019 | 9506.91.00 |
| 7 | Bục nhảy chống | 1. Độ ổn định | Theo Khoản 4.2 TCVN 13319:2021 | Theo Khoản 5.1 TCVN 13319:2021 | 9506.91.00 |
| | | 2. Độ bền | Theo Khoản 4.3 TCVN 13319:2021 | Theo Khoản 5.2 TCVN 13319:2021 | |
| | | 3. Độ bền kết cấu | Theo Khoản 4.4 TCVN 13319:2021 | Theo Khoản 5.3 TCVN 13319:2021 | |
| 8 | Lưới bạt | 1.Kết | Theo Khoản 4.2 TCVN 13320:2021 | Theo phụ lục A, TCVN 13318:2021 | 9506.91.00 |
| | | 2.Độ ổn định và chống trượt | Theo Khoản 4.3 TCVN 13320:2021 | Theo Khoản 5.2 TCVN 13320:2021 | |
| | | 3. Độ bền (tính toàn vẹn cấu trúc) | Theo Khoản 4.4 TCVN 13320:2021 | Theo Khoản 5.3 TCVN 13320:2021 | |
| | | 4 Không gian trống dưới đệm lót | Theo Khoản 4.6 TCVN 13320:2021 | Theo Khoản 5.3 TCVN 13320:2021 | |
| | | 5. Tính chất đàn hồi | Theo Khoản 4.7 TCVN 13320:2021 | Theo Khoản 5.3 TCVN 13320:2021 | |
| | | 6. Khung và hệ thống treo | Theo Khoản 4.8 TCVN 13320:2021 | Theo Mục 5.4.1, 5.4.2 TCVN 13320:2021 | |

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1 Điều kiện lưu thông trên thị trường

Các thiết bị thể dục dụng cụ thuộc phạm vi của quy chuẩn kỹ thuật này phải công bố hợp quy phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Mục 2 của quy chuẩn kỹ thuật này, gắn dấu hợp quy (dấu CR) và ghi nhãn hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường và chịu sự kiểm tra trên thị trường của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.2 Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy

3.2.1 Công bố hợp quy

Việc công bố hợp quy thiết bị thể dục dụng cụ phải dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP), Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN).

3.2.2 Chứng nhận hợp quy

Việc chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm, hàng hóa thiết bị thể dục dụng cụ nêu ở Bảng 1 Phần 2 của Quy chuẩn này được thực hiện theo phương thức 5 và phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ quy định về Công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và Phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN) và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN), cụ thể như sau:

a) Đối với thiết bị thể dục dụng cụ sản xuất trong nước:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 “Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” tại cơ sở sản xuất thiết bị thể dục dụng cụ.

Hoặc:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7: Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa tại cơ sở sản xuất thiết bị thể dục dụng cụ trong trường hợp cơ sở sản xuất không thể áp dụng các yêu cầu đảm bảo chất lượng theo Phương thức 5.

b) Đối với thiết bị thể dục dụng cụ nhập khẩu:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7: Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa đối với từng lô thiết bị thể dục dụng cụ nhập khẩu trong trường hợp lô thiết bị thể dục dụng cụ chưa được chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

Hoặc:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài khi có yêu cầu từ phía cơ sở sản xuất nước ngoài theo quy định tại điểm a) mục 3.2.

c) Thử nghiệm phục vụ việc chứng nhận phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN. Phạm vi thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu quy định của quy chuẩn kỹ thuật này.

d) Hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy có giá trị không quá 3 năm.

3.3 Sử dụng dấu hợp quy Dấu hợp quy phải tuân thủ theo Khoản 2 Điều 4 của “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy” ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

3.4 Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy

Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy đối với thiết bị thể dục dụng cụ sản xuất trong nước và nhập khẩu thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

4. CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP QUY, TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

4.1. Hoạt động chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa thiết bị thể dục dụng cụ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

4.2. Các tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp về thử nghiệm, chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/NĐ-CP, Nghị định số 62/2016/NĐ-CP và có năng lực đáp ứng yêu cầu về thử nghiệm, chứng nhận đối với thiết bị thể dục dụng cụ phù hợp với quy định tại QCVN xxx: 2023/BVHTTDL, lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY

5.1. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn hoạt động chứng nhận hợp quy;
- b) Tổ chức xây dựng, soát xét, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị thể dục dụng cụ;
- c) Chủ trì, phối hợp với Cục Thể dục thể thao và Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, đánh giá năng lực và đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quyết định chỉ định và công bố các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;
- d) Gửi 01 bản quyết định chỉ định cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức chứng nhận hợp quy để phối hợp theo dõi, quản lý;
- đ) Tiếp nhận Hồ sơ miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân và có văn bản xác nhận hoặc từ chối miễn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;
- e) Theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động của các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;
- g) Phối hợp với Cục Thể dục thể thao theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình hoạt động công bố hợp quy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5.2. Cục Thể dục thể thao – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- a) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức xây dựng, soát xét, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị thể dục dụng cụ; kiểm tra, đánh giá năng lực, đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định chỉ định và công bố các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm; xem xét miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2;
- b) Kiểm tra tình hình hoạt động của các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;
- c) Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình hoạt động công bố hợp quy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân đối với thiết bị thể dục dụng cụ;
- b) Quản lý, thanh tra, kiểm tra các hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với thiết bị thể dục dụng cụ trên địa bàn;
- c) Tổng hợp tình hình hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và gửi báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.4. Tổ chức chứng nhận hợp quy có trách nhiệm:

- a) Định kỳ sáu tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, gửi báo cáo bằng văn bản về kết quả hoạt động chứng nhận hợp quy về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao địa phương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- b) Trường hợp đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận hợp quy đã cấp, gửi văn bản báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao để theo dõi, quản lý.

c) Khi có thay đổi ảnh hưởng tới năng lực hoạt động chứng nhận hợp quy đã đăng ký thì thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức chứng nhận hợp quy trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

d) Tổ chức chứng nhận hợp quy phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân.

5.5. Các tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN.

5.6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thiết bị thể dục dụng cụ phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5.7. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thiết bị thể dục dụng cụ phải đảm bảo yêu cầu quy định tại Điều 2 và thực hiện quy định tại Điều 3 của quy chuẩn kỹ thuật này.

5.8. Tổ chức, cá nhân sản xuất thiết bị thể dục dụng cụ sau khi được chứng nhận hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN.

5.9. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thiết bị thể dục dụng cụ có trách nhiệm cung cấp các bằng chứng về sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật này khi có yêu cầu hoặc khi được kiểm tra theo quy định đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường.

5.10. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ phải bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hoá đã được chứng nhận hợp quy và có gắn dấu hợp quy và nhãn phù hợp với các quy định hiện hành.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1 Cục Thể dục thể thao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý chức năng có liên quan hướng dẫn và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

6.2 Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Cục Thể dục thể thao có trách nhiệm kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này phù hợp với thực tiễn.

6.3 Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản hiện hành. Trường hợp các tiêu chuẩn, mã HS viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Cục Thể dục thể thao./.